

BẢNG GIÁ ỐNG CHỊU NHIỆT VÀ PHỤ KIỆN - PPR TIỀN PHONG



Kính gửi Quý Khách hàng của Nam Thắng

A. ỐNG PPR								
ĐK	PN10		PN16		PN20		PN25	
	Độ dày (mm)	Đ.giá/m	Độ dày (mm)	Đ.giá/m	Độ dày (mm)	Đ.giá/m	Độ dày (mm)	Đ.giá/m
20	2.30	23,975	2.80	28,600	3.40	29,651	4.10	35,200
25	2.80	42,807	3.50	52,800	4.20	52,037	5.10	58,300
32	2.90	55,473	4.40	71,500	5.40	76,582	6.50	90,200
40	3.70	74,422	5.50	96,800	6.70	118,505	8.10	137,900
50	4.60	109,080	6.90	154,000	8.30	184,189	10.10	220,000
63	5.80	173,189	8.60	242,000	10.50	290,323	12.70	346,500
75	6.80	241,135	10.30	330,000	12.50	402,153	15.10	489,500
90	8.20	351,883	12.30	462,000	15.00	601,265	18.10	704,000
110	10.00	563,269	15.10	704,000	18.30	846,425	22.10	1,045,000
125	11.40	748,000	17.10	913,000	20.80	1,221,000	25.10	1,402,500
140	12.70	922,900	19.20	1,111,000	23.30	1,551,000	28.10	1,848,000
160	14.60	1,259,500	21.90	1,540,000	26.60	2,062,500	32.10	2,393,600
180	16.40	1,984,400	24.60	2,758,800	29.00	3,242,800	36.10	3,726,800
200	18.20	2,407,900	27.40	3,412,200	33.20	3,993,000		
B. PHỤ KIỆN PPR								
ĐK	Cút	Chếch	Tê	M.sông	Rắc co	Đầu bịt	Nối Bích	Van chặn
20	5,989	4,909	6,971	3,142	38,978	2,945	-	152,869
25	7,935	7,953	10,800	5,302	57,437	5,105	-	207,262
32	12,942	11,978	17,771	8,247	82,669	6,677	-	239,073
40	22,582	23,662	27,687	13,157	94,942	10,113	-	370,342
50	39,665	45,262	54,393	23,563	142,658	19,047	-	631,015
63	121,255	103,582	136,473	47,225	330,382	92,389	245,000	
75	158,269	159,349	204,905	79,135	-	164,160	379,300	
90	244,178	189,785	318,109	133,920	-	184,680	433,000	
110	497,585	330,480	492,480	217,178	-	203,138	569,300	
ĐK	Nối RT	Nối RN	TÊ RT	TÊ RN	Racco RT	Racco RN	Cút RT	Cút RN
20*1/2"	38,978	49,287	43,789	53,902	92,880	99,065	43,397	61,069

25*1/2"	47,717	56,945	46,833	58,517			49,287	69,022
25*3/4"	53,215	68,727	68,237	70,789	148,745	154,440	66,371	81,589
32*1"	86,793	101,618	148,942	148,745	218,062	242,705	22,629	129,895
40*1.1/4"	215,018	295,527			341,673	360,131		
50*1.1/2"	285,218	369,360			595,080	635,629		
63*2"	577,211	625,909			793,113	859,778		
75*2.1/2"	821,683	959,335						
90*3"	1,647,785	1,939,189						
110*4"		3,262,680						
ĐK	Côn CB	Tê CB	ĐK	Côn CB	Tê CB	ĐK	Van MHT	Ổng cong
25-20	4,909	10,800	63-50	37,603	138,300	20	205,200	16,500
32-20	6,971	19,047	75-32	70,300	189,300	25	236,029	28,767
32-25	6,971	19,047	75-40	82,800	189,300	32	338,629	
40-20	10,800	41,825	75-50	70,003	203,500	40	569,945	
40-25	10,800	41,825	75-63	70,003	189,300	50	888,840	
40-32	10,800	41,825	90-50	104,000	277,069	Côn CB		
50-20	19,440	73,440	90-63	123,513	297,589	125-110	432,700	
50-25	19,440	73,440	90-75	123,513	327,338	140-90	619,300	
50-32	19,440	73,440	110-50	202,000		140-110	973,600	
50-40	19,440	73,440	110-63	271,900	471,960	160-110	922,100	
63-25	37,603	138,300	110-75	260,000	417,960	160-140	935,700	
63-32	37,603	138,300	110-90	253,603	471,960	200-125	1,657,800	
63-40	37,603	138,300	140-75		1,669,800			

Ghi chú:

* Đơn giá trên đã bao gồm VAT 8%, áp dụng từ ngày 02/2022

* Hỗ trợ vận chuyển trong phạm vi TP.Hà Long.

* Xuất xứ: Nhựa Tiên Phong - Hải Phòng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NAM THẮNG